

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/DS-PT

Ngày: 31-7-2019

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Hùng
Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLPT- DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 586/TB-PT ngày 03 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm TV, sinh năm: 1972; cư trú tại Khu B, hẻm B, đường THD, Phường 3, thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Thiệu D, sinh năm: 1963, bà Nguyễn TH, sinh năm: 1962; cư trú tại số A, tổ D, thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn CH, sinh năm: 1959; cư trú tại Khu B, hẻm B, đường THD, Phường 3, thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Quỹ tín dụng nhân dân LN; địa chỉ thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông LVB, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng của bà Phạm TV thì: Nguyên nguồn gốc diện tích đất 2.284m², thuộc thửa 3291, tờ bản đồ 01 tọa lạc tại thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng là do bà nhận chuyển nhượng của bà PTT vào năm 1999, giá trị chuyển nhượng là 25.000.000đ, bà đã giao đủ tiền cho bà PTT và nhận đất sử dụng. Tứ cận lô đất cụ thể như sau: phía Đông Nam giáp đường đi của thôn; phía Tây Nam giáp đất ông Thiệu D, phía Tây Bắc giáp đất ông L; phía Đông Bắc giáp đất ông X1. Ngày 10/12/2010 bà được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó có 600m² đất ở nông thôn, còn lại là đất trồng cây hàng năm khác). Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà trồng lagim, đến năm 2010 bà có cho ông NXT thuê trồng lagim, hai bên có viết giấy tay thuê đất với nhau, thời hạn thuê đến năm 2020.

Năm 2005 bà và vợ chồng ông D, bà TV có thỏa thuận đóng 06 cọc bê tông tạm thời để xác định ranh giới. Đến đầu năm 2017 bà nhận thấy phần diện tích đất giáp đất ông D bị thiếu và thấy rõ bị hẹp lại phần giữa đất, do đó bà có nói chuyện với ông D để thương lượng nhưng ông D không đồng ý. Bà có khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã HT, huyện X để yêu cầu giải quyết nhưng không thành.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 116m² thuộc thửa 3291, tờ bản đồ 01 thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo lời trình bày của ông Thiệu D, bà Nguyễn TH thì vào năm 2003 vợ chồng ông, bà cùng ông QV và ông NTH hợp tác nhận chuyển nhượng 01 lô đất của ông NVB đã trồng cà phê, có diện tích là 2.024m², có giấy của hợp tác xã xác nhận. Các bên có thỏa thuận chia làm 02 lô đất, ông QV được nhận diện tích đất mặt tiền rộng 09m, dài đến hết đất, vợ chồng ông, bà và ông NTH chia nhau diện tích đất theo mặt tiền đường 10m chiều rộng, phần diện tích đất vợ chồng ông bà mua giáp phần đất của bà Phạm TV. Đến năm 2005 vợ chồng ông, bà có phá cà phê để trồng lagim. Tại thời điểm năm 2005 bà TV có thỏa thuận với vợ chồng ông, bà cùng đóng 06 cọc bê tông xác định ranh giới đất của hai bên. Hiện tại hàng cọc vẫn còn, sau đó vợ chồng ông, bà và bà TV có thỏa thuận mỗi bên bỏ ra 1,5m chiều rộng để làm đường đi chung nhưng vợ chồng ông, bà

không đồng ý.

Đến năm 2017 ông NTH đã chuyển nhượng phần diện tích đất của ông NTH cho vợ chồng ông, bà; các bên đã làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, việc chuyển nhượng đã hoàn thành. Hiện tại vợ chồng ông, bà là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất có diện tích 990m² thuộc thửa 3292, tờ bản đồ số 01, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Nay bà Phạm TV khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả lại phần diện tích đất lấn chiếm 116m² thì vợ chồng ông bà không đồng ý vì giữa vợ chồng ông, bà và bà Phạm TV đã xác định ranh giới đất của hai bên bằng 06 hàng cọc rõ ràng, đề nghị xác định ranh giới theo 06 hàng cọc năm 2005 mà các bên đã thỏa thuận, việc vợ chồng ông, bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 990m² là do sai sót trong quá trình đo đạc của cán bộ địa chính xã, vợ chồng ông, bà không có khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không ý kiến, yêu cầu gì đối với kết quả đo vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện X.

- Ông Nguyễn CH thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Phạm TV.

- Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân LN thì vào ngày 16/5/2018 vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân LN, Phòng giao dịch HT số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng theo Hợp đồng tín dụng số TC1802.00244, tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA157747 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH ngày 03/4/2017 theo Hợp đồng thế chấp số 110HT/18 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Phan Thị Báu ngày 18/5/2018. Quỹ tín dụng nhân dân LN căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông D, bà TH được cấp để đánh giá tài sản thế chấp, thẩm định và cho vay theo quy định của pháp luật. Nay bà Phạm TV khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH phải trả lại 116m² đất lấn chiếm thì Quỹ tín dụng nhân dân LN đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 09/2019/DS-ST ngày 27/3/2019 Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm TV về kiện tranh chấp quyền sử dụng đất yêu cầu bị đơn ông Thiệu D, bà Nguyễn TH trả lại 116m² đất lấn chiếm thuộc một phần thửa 3291, tờ bản đồ số 01, tại thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc ông Thiệu D, bà Nguyễn TH trả lại cho bà Phạm TV diện tích đất 116m² thuộc một phần thửa 3291, bản đồ địa chính số 01, thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng theo các điểm ABC (*Có họa đồ kèm theo*).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/4/2019 vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH kháng cáo không đồng ý trả lại diện tích đất 116m² thuộc một phần thửa 3291, bản đồ địa chính số 01, thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng cho bà Phạm TV.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH vẫn giữ nguyên kháng cáo. Bà Phạm TV đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D, bà TH giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà Phạm TV cho rằng vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH có hành vi lấn chiếm một phần đất có diện tích đất 116m², thuộc thửa 3291, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng nên yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất nói trên, vợ chồng ông D, bà TH cho rằng ranh giới đất của hai bên đã được xác định bằng các cọc bê tông, gia đình ông, bà không có lấn chiếm do đó không đồng ý trả lại đất nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Theo hồ sơ thể hiện thì vào năm 2003 vợ chồng ông D, bà TH cùng ông QV, ông NTH hợp tác nhận chuyển nhượng của ông NVB lô đất có diện tích 2.024m². Trong đó ông QV nhận chuyển nhượng diện tích đất có mặt tiền rộng 09m, vợ chồng ông D, bà TH và ông NTH chia nhau diện tích đất theo mặt tiền đường là 10m, dài hết đất. Ngày 04/02/2010 ông D và ông NTH được Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 157747 đối với diện tích đất 990m² thuộc thửa 3292, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 10/3/2017 ông NTH chuyển nhượng diện tích đất nhận chuyển nhượng chung cho vợ chồng ông D, bà TH và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Lâm Đồng xác nhận.

[3] Đối với lô đất mà bà TV đang sử dụng có nguồn gốc đất do bà TV nhận chuyển nhượng của bà PTT vào năm 1999 với diện tích 2.284m². Đến ngày 10/02/2010 bà TV được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 157742 diện tích 2.284m² thuộc thửa đất số 3291, tờ bản đồ số 1 tại thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

[4] Qua xem xét thì thấy rằng các đương sự đều thừa nhận vào năm 2005 gia đình ông D và gia đình bà TV có thỏa thuận cắm 06 cột bê tông xác định ranh giới đất, hiện nay các cọc bê tông này vẫn còn nên bị đơn cho rằng không có hành vi lấn chiếm đất của nguyên đơn. Tuy nhiên tại thời điểm các bên thỏa thuận cắm mốc ranh giới thì đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nay nguyên đơn không đồng ý với mốc giới này do cho rằng tại thời điểm này hai bên chỉ mới cắm mốc tạm thời, Hiện nay nguyên đơn xác định điểm đầu và điểm cuối của phần tiếp giáp của hai lô đất không có gì thay đổi so với trước đây mà bị đơn chỉ lấn phần diện tích đất tại phần ranh giới nằm ở giữa.

[5] Theo lời trình bày của vợ chồng ông D, bà TH thì diện tích đất mà vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng lại của ông Bằng và ông NTH là 2.024m² nhưng chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 990m² là sai sót của cán bộ địa chính khi cấp sổ. Tuy nhiên, hồ sơ xét cấp đất của vợ chồng ông D, bà TH thể hiện vào năm 1993 ông Bằng nhận khoán diện tích đất cà phê là 2.024m² cho ông D, ông NTH và ông QV, theo đó ông QV nhận chuyển nhượng 09m ngang, dài tới suối, ông D, ông NTH mỗi người 5m ngang. Tại tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất ngày 14/10/2009 được Ủy ban nhân dân xã HT, huyện X xác nhận thì ông D, ông NTH cũng xác định diện tích đất đang sử dụng là 990m². Theo đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/10/2009 của ông D và ông NTH thì cả hai cũng chỉ kê khai, đăng ký diện tích đất 990m², theo Biên bản đo đạc xác minh hiện trạng về việc kiểm tra, xác minh hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận lần đầu của địa chính xã HT (có chữ ký xác nhận của chủ sử dụng đất là ông D và ông NTH) đã thể hiện phần đất thuộc thửa 3292 có diện tích là 990m², phía Đông Nam giáp đường đi dài 10m, phía Tây Bắc giáp thửa 3406 dài 9,4m; ranh giới giữa hai thửa 3291 (đất của bà TV) và 3291 (đất hiện nay vợ chồng ông D, bà TH đang sử dụng) là một đường thẳng kéo dài từ trước ra sau hết thửa đất, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có đơn khiếu nại gì đối với Quyết định cấp đất, do vậy cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ vừa phân tích để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[6] Theo họa đồ đo đạc hiện trạng vị trí đất ngày 04/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Lâm Đồng có lồng ghép tờ bản đồ địa chính số 01, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng thì hai mốc tại điểm đầu và điểm cuối của hai lô thửa 3291 và 3292 không có sự thay đổi; tuy nhiên phần đất thuộc thửa 3291 mà bà TV đang sử dụng theo các điểm ABCDE có diện tích 2.154m², giảm so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất là 130m²; phần đất thuộc thửa 3292 mà vợ chồng ông D, bà TH đang sử dụng theo các điểm ABCGF có diện tích là 1.149,8m², tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 159,8m² (trong đó 116m² thuộc một phần thửa 3291, tờ bản đồ số 01, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng), phần diện tích tăng này thể hiện ở phần giữa của hai lô đất có ký hiệu ba điểm ABC trên họa đồ. Như vậy có căn cứ khẳng định trong quá trình sử dụng vợ chồng ông D, bà TH đã lấn sang thửa 3291 của bà TV với diện tích 116m² nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất vừa nêu. Đối với 05 cột bê tông trên đất các bên đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

[7] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Về chi phí tố tụng: Tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản; chi phí hết 7.101.000đ, bà TV đã tạm nộp và đã được Tòa án nhân dân huyện X quyết toán xong.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị đơn vợ chồng ông D, bà TH có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ; chi phí hết 1.810.000đ, bị đơn đã tạm nộp và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết toán xong.

Xét việc xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng ông D, bà TH phải chịu toàn bộ chi phí nói trên với số tiền 8.911.000đ là có căn cứ. Do bà TV đã tạm ứng 7.101.000đ nên cần buộc vợ chồng ông D, bà TH phải thanh toán lại cho bà TV số tiền vừa nêu.

[9] Về án phí: Vợ chồng ông D, bà TH phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị lô đất đang tranh chấp là 20.880.000đ x 5% = 1.044.000đ.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng ông D, bà TH phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TV về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất” đối với vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH.

Buộc vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH phải trả lại cho bà Phạm TV lô đất có diện tích 116m² thuộc một phần thửa 3291, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại thôn C, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, được thể hiện bằng 03 điểm ABC tại họa đồ đo đạc hiện trạng vị trí đất ngày 04/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Lâm Đồng (có họa đồ kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Buộc vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH phải chịu 8.911.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

2.2. Vợ chồng ông D, bà TH có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm TV số tiền 7.101.000đ (Bảy triệu một trăm lẻ một nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH phải chịu 1.044.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm TV không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, bà TV được nhận lại số tiền 1.750.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007043 ngày 16/11/2017 và số AA/2016/0006065 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông Thiệu D, bà Nguyễn TH phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm vợ chồng ông D, bà TH đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006699 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông D, bà TV đã nộp đủ án phí.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV - THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch